

Số: /QĐ-TNN

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách
quý II năm 2024 của Cục Quản lý tài nguyên nước

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 4199/QĐ-BTNMT ngày 9/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Quyết định số 662/QĐ-BTNMT ngày 15/3/2024.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện thu - chi ngân sách nhà nước quý II năm 2024 của Cục Quản lý tài nguyên nước (theo Biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Cục, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng các đơn vị liên quan thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc Cục;
- Trung tâm TTKT (công khai trên Cổng TTĐT);
- Lưu VT, VP, KHTC.

Châu Trần Vĩnh

PHỤ LỤC
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN
QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TNN ngày tháng 7 năm 2024
của Cục Quản lý tài nguyên nước)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu nhiệm vụ, đề án, dự án	Dự toán năm	Thực hiện quý II	Thực hiện / Dự toán năm (%)	Thực hiện quý II năm 2023	Ước thực hiện quý II so với cùng kỳ năm trước (%)
A	Tổng số thu, chi ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu Phí, lệ phí cấp phép	1500	274	18,27%	1.169	23,44%
1	Phí, lệ phí cấp phép	1500	274	18,27%	1.169	23,44%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	750	137	18,27%	584	23,46%
1	Chi quản lý hành chính	750	137	18,27%	584	23,46%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	750	137	18,27%	584	23,46%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	750	137	18,27%	533	25,70%
1	Quản lý hành chính	750	137	18,27%	533	25,70%
B	Dự toán chi NSNN	42.935	6.729	15,67%	12.142	55,42%
I	Nguồn ngân sách trong nước	42.935	6.729	15,67%	12.142	55,42%
1	Chi quản lý hành chính	13.222	2.219	16,78%	2.206	100,59%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.172	2.219	16,85%	2.206	100,59%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	50	0	0,00%		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	350	58	16,57%	86	67,44%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	350	58	16,57%	86	67,44%
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia					
	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	200	58	29,00%	86	67,44%
	Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở	150	0	0,00%	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế	27.363	4.452	16,27%	5.885	75,65%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27.363	4.452	16,27%	5.885	75,65%
7	Chi phí bảo vệ môi trường	2.000	0	0,00%	3.965	0,00%
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.000	0	0,00%	3.965	0,00%